

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Giang
2. Bà Trần Thị Quỳnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 194/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/QĐ.HPT ngày 18/7/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1987

Địa chỉ: ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Đỗ Tuấn A, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh A vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên Tòa chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Tuấn A kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay tranh

cãi, xô xát nhau. Anh Tuấn A thường xuyên uống rượu say và đánh chị. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2014 cho đến nay. Do con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng và cho anh Tuấn A cơ hội thay đổi nhưng không được. Tháng 3/2017 anh Tuấn A đã đánh chị, chị có trình báo với chính quyền địa phương, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể chung sống với anh Tuấn A được nữa nên chị xin ly hôn, mong Tòa án xem xét giải quyết

Về con chung: Chị và anh Tuấn A có 04 con chung:

- Đỗ Trần Thúy V – sinh ngày 14/10/2009
- Đỗ Trần Tuấn V – sinh ngày 18/01/2011
- Đỗ Trần Thị Trà M – sinh ngày 22/4/2012
- Đỗ Trần Tấn K – sinh ngày 15/6/2014

Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đỗ Trần Thị Trà M và Đỗ Trần Tấn K. Chị đồng ý giao cháu Đỗ Trần Thúy V và cháu Đỗ Trần Tuấn V cho anh Tuấn A được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

- Bị đơn anh Đỗ Tuấn A có bản khai trình bày:

Về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị T trình bày là đúng.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh Tuấn A cho rằng: Khoảng cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh hay đi nhậu, giữa anh và chị T có cãi nhau. Bản thân anh nóng tính nên anh hay đánh chị T, anh nhận thấy anh có phần sai. Từ tháng 3/2017 đến nay anh và chị T đã ly thân, không còn sống chung nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đỗ Trần Thúy V và cháu Đỗ Trần Tuấn V. Anh đồng ý giao cháu Đỗ Trần Thị Trà M và cháu Đỗ Trần Tấn K cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. A không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh Tuấn A phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T; giao cháu Đỗ Trần Thị Trà M và cháu Đỗ Trần Tấn K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Đỗ Trần Thúy V và cháu Đỗ Trần Tuấn V cho anh Đỗ Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung đương sự trình bày tự thỏa thuận, nợ chung đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Trần Thị T khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Đỗ Tuấn A hiện đang trú tại: ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Tuấn A đầy đủ, tuy nhiên anh Tuấn A vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về hôn nhân:** Quan hệ giữa chị Th và anh Tuấn A là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh Tuấn A đều xác định do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm chị T dành cho anh Tuấn A không còn nên chị xin được ly hôn với anh Tuấn A. Anh Tuấn A thừa nhận bản thân anh nóng tính nên anh hay đánh chị T, anh nhận thấy anh có phần sai nhưng không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Tuấn A đến Toà để tham dự phiên họp về Tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai anh chị có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng anh Tuấn A không đến, chứng tỏ anh Tuấn A không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T.

Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra, chính quyền địa phương có khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ chị T và anh Tuấn A không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Hai người hiện đã sống ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Tuấn A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Tuấn A.

[3] **Về con chung:** Cháu V có nguyện vọng ở với ba. Do vậy, giao cháu V và V cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu M và K cho chị T

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời chị T và anh Tuấn A không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] **Về tài sản chung:** Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về nợ chung:** Các đương sự khai không có, nên không xem xét

[6] **Về án phí:** Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T. Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Đỗ Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trần Thị Trà M, sinh ngày 22/4/2012 và cháu Đỗ Trần Tấn K, sinh ngày 15/6/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Trần Thúy V, sinh ngày 14/10/2009, cháu Đỗ Trần Tuấn V, sinh ngày 18/01/2011 cho anh Đỗ Tuấn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời chị T và anh Tuấn A không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của chị Trần Thị T và anh Đỗ Tuấn A.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo phiếu thu số 005088 ngày 28/3/2017 tại Chi cục thi hành án huyện T.

4. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tuấn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã P, H. V;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải